

NGÔN TỪ NGHỆ THUẬT VÀ NGÔN NGỮ VĂN XUÔI NGHỆ THUẬT

Vũ Thị Thanh Hoài

Khoa Kiến thức cơ bản, Trường Đại học Văn hóa Hà Nội

Tóm tắt: Ngôn ngữ nghệ thuật là một hiện tượng được tạo ra bởi việc sử dụng ngôn từ một cách sáng tạo của nghệ sĩ theo các quy luật chung của nghệ thuật, mang đậm dấu ấn chủ quan của người sáng tạo. Khi ngôn ngữ đi vào tác phẩm nghệ thuật, nó có những đặc điểm được cách điệu, hay nói cách khác, chính từ ngữ nghệ thuật tạo ra những hình ảnh ngôn từ, mang đến cho nghệ thuật các biểu tượng và hình thức biểu đạt mới, từ đó giúp con người cảm nhận cuộc sống cũng như ngôn từ theo một cách mới mẻ. Bài viết phân tích và làm rõ các khái niệm về ngôn ngữ nghệ thuật và ngôn ngữ nghệ thuật trong văn xuôi, cũng như cái nhìn ngôn ngữ của các tác giả và thời đại.

Từ khóa: Ngôn ngữ nghệ thuật, ngôn ngữ nghệ thuật trong văn xuôi

THE INFLUENCE OF THE OUTLINE OF VIETNAMESE CULTURE ON THE FORMATION OF REVOLUTIONARY LITERATURE (1945–1954)

Vu Thi Thanh Hoai

Faculty of Basic Knowledge, Hanoi University of Culture

Abstract: Artistic language is a phenomenon caused by artists' creative use of words according to the general rules of art, it imprints the subjective imprint of the creator. Language when entering works of art has stylized features, or in other words, artistic words themselves create verbal images, providing art with symbols and forms new expression and thus makes people perceive life as well as words in a new way. The article analyzes and clarifies the concepts of artistic language and artistic prose language, the linguistic vision of the authors and the era.

Keywords: Artistic language, artistic prose language

Nhận bài: 15/03/2025

Phản biện: 12/04/2025

Duyệt đăng: 16/04/2025

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Ngôn từ nghệ thuật là một hiện tượng do nghệ sĩ sử dụng sáng tạo ngôn từ theo quy luật chung của nghệ thuật, nó in đậm dấu ấn chủ quan của người sáng tác. Ngôn ngữ khi đi vào tác phẩm nghệ thuật đã mang những nét cách điệu, hay nói cách khác, tự bản thân ngôn từ nghệ thuật đã sáng tạo ra các hình tượng ngôn từ, cung cấp cho nghệ thuật những biểu tượng, những hình thức biểu đạt mới mẻ và do vậy, làm cho con người cảm thụ đời sống cũng như ngôn từ một cách mới mẻ hơn. Bài viết phân tích làm rõ khái niệm ngôn từ nghệ thuật và ngôn ngữ văn xuôi nghệ thuật, nhận quan ngôn ngữ của các tác giả và thời đại của quá trình phát triển ngôn ngữ văn xuôi trong lịch sử văn học Việt Nam.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Khái niệm ngôn từ nghệ thuật

Ngôn ngữ là công cụ, là chất liệu cơ bản của văn học. M. Gorki đã khẳng định: “Ngôn ngữ là yếu tố thứ nhất của văn học”. Nhưng ngôn từ ở đây không còn có hiện tượng ngôn ngữ mang chức năng giao tiếp thông thường mà đã được đưa vào một hệ thống giao tiếp khác, mang chức năng khác, đó là thứ ngôn ngữ đã được chọn lựa, sáng tạo theo chủ quan của người nghệ sĩ, để phục tùng các nhiệm vụ nghệ thuật của tác phẩm.

Mọi tác phẩm văn học đều được viết hoặc kể bằng lời: lời thơ, lời văn, lời tác giả, lời nhân vật... gộp chung lại là lời văn. Nếu ngôn từ - tức là lời

nói, viết trong tất cả tính chất thẩm mỹ của nó là chất liệu của sáng tác văn học, thì lời văn là hình thức ngôn từ nghệ thuật của tác phẩm văn học. Lời văn- thực chất cũng là một dạng của ngôn từ nhưng đã được tổ chức theo quy luật nghệ thuật về mặt nội dung, phương pháp, phong cách, thể loại. Nó cũng là một dạng của lời nói xét theo quan điểm ngôn ngữ học, nhưng nó khác với lời nói. Lời nói thường giải quyết nhiệm vụ một cách tức thời, một lần, còn lời văn không chỉ có tác dụng ấy, thậm trí trái lại, nó có tham vọng trở thành lời nói cho nhiều lần, cho muôn đời. Lời nói phụ thuộc vào hoàn cảnh nói mà người nghe phải hiểu hoàn cảnh đó thì mới hiểu được. Nó không cần trọn vẹn đầy đủ. Lời văn, trái lại, luôn là một hiện tượng trọn vẹn, đầy đủ, để tự nó có thể thuyết minh ý nghĩa của nó trong môi trường giao tiếp văn học.

Đặc trưng của ngôn từ nghệ thuật là tính hình tượng và tính tổ chức cao. Lời văn có tính hình tượng từ trong nội dung lời nói. Trong đời sống bình thường, lời nói gắn liền với một chủ thể. Tác giả lời nói và chủ thể lời nói là một. Trong văn học thì lời văn là lời của một chủ thể hình tượng và sức mạnh của lời văn nằm ở tầm vóc khái quát chủ thể ấy, ở khả năng đại diện của nó cho tư tưởng, lương tâm của thời đại, của dân tộc, của giai cấp hay của cả nhân loại.

Tính hình tượng của lời văn bắt nguồn từ chỗ

đó là lời của một chủ thể tư tưởng thẩm mỹ xã hội có tầm khái quát nhất định. Nếu sức khái quát lớn thì lời của một người thành lời của muôn người. Tính hình tượng không chỉ đóng khung trong các hình thức ẩn dụ, ví von, nhân hoá, khoa trương mà nằm ở sâu trong bản chất hình tượng của sáng tác. Lời văn là lời của thế giới hình tượng tự nói lên bằng ngôn từ: “*Ghé trên ngòi tốt số sàng*” (“Truyện Kiều” Nguyễn Du), từ “tốt” trong câu thơ trên tự nó đã bộc lộ đầy đủ bản chất của anh chàng họ Mã).

Lời văn có tính tổ chức cao - để làm rõ hình tượng, bộc lộ hình tượng, để giải phóng tính hình tượng của từ. Sự tổ chức lời nói thành lời văn là để nâng lời nói lên một nghệ thuật, nâng ý thức hàng ngày lên mức văn học. Nó làm cho người ta cảm thụ đời sống cũng như lời nói một cách mới mẻ.

Rõ ràng, ngôn từ khi được sáng tạo để thực hiện ý đồ nghệ thuật trở thành các hình tượng ngôn ngữ. Trong tác phẩm văn học, hình tượng ngôn ngữ liên quan mật thiết với tư duy nghệ thuật, cá tính sáng tạo và phong cách nghệ thuật của tác giả. Đặc biệt, nó thể hiện quan niệm nghệ thuật của nhà văn. Thông qua quan niệm về đối tượng được miêu tả, ta có thể tìm thấy cảm quan chung của tác giả về thế giới, về hiện thực, qua mỗi từ, mỗi câu. Vì vậy, phải nghiên cứu các hình tượng ngôn ngữ để tiếp cận được quan niệm đó.

2.2. Ngôn ngữ văn xuôi nghệ thuật

Ngôn từ nghệ thuật bao gồm hệ thống các từ ngữ, hình ảnh, câu văn nằm trong các phương tiện tu từ từ vựng và ngữ nghĩa. Chúng chỉ có ý nghĩa thẩm mỹ chừng nào thực hiện một cách tốt nhất các nhiệm vụ tư tưởng nghệ thuật cao cả của tác giả. Việc cấu tạo ngôn từ nghệ thuật không chỉ tuân theo cá tính sáng tạo mà còn phục tùng các quy luật về thể loại. Chính vì thế có sự khác nhau giữa ngôn ngữ văn xuôi và ngôn ngữ thơ, ngôn ngữ kịch.

“*Ngôn ngữ của tác phẩm trữ tình là ngôn ngữ được tổ chức trên cơ sở nhịp điệu, hết sức có động, hàm súc và đặc biệt gợi cảm*” [3, tr. 183]. Ngôn ngữ thơ không bao giờ là ngôn ngữ khách quan, yên tĩnh của tác phẩm tự sự. Lời thơ thường là lời đánh giá, trực tiếp thể hiện một quan hệ của chủ thể đối với cuộc đời. Nó là ngôn ngữ bảo hoà cảm xúc và giàu nhạc tính, như nhịp đập của trái tim, khi êm đềm, khi mãnh liệt... Với ngôn ngữ của tác phẩm kịch “*là ngôn ngữ các nhân*

vật được cấu trúc qua hệ thống đối thoại và gần gũi với tiếng nói thông thường của nhân dân” [3, tr. 184]. Trong kịch không có nhân vật người kể chuyện cho nên sẽ không có ngôn ngữ của người kể chuyện, ngoài những lời chú thích trực tiếp của tác giả. Ngôn ngữ trong kịch phải có tính hành động, tính khẩu ngữ, tính tổng hợp và còn phải phù hợp với tính cách nhân vật.

Còn ngôn ngữ văn xuôi (thể loại tự sự) là sự phản ánh đời sống trong tính khách quan của nó. Nó là ngôn ngữ đa dạng, ngôn ngữ của nhiều tính cách. Do đặc điểm về thể loại, ngôn ngữ văn xuôi có thể mặc sức đi vào khai thác vấn đề đến từng yếu tố nhỏ nhất nhất mà không bị hạn chế bởi dung lượng như thơ. Ngôn ngữ văn xuôi có cấu trúc thành phần khác hẳn ngôn ngữ kịch và trữ tình. Lời tự sự luôn hướng người đọc ra thế giới đối tượng khác hẳn lời trữ tình hay lời đối thoại của kịch, hướng chú ý tới cảm xúc, ý định người nói. Thành phần miêu tả và thuyết minh đặc điểm của ngôn ngữ văn xuôi có chức năng tái hiện và phân tích các sự vật hiện tượng, dựng lên những bức tranh hấp dẫn, sinh động, về hiện thực và mở ra một khả năng lý giải đến tường tận. Ngôn ngữ văn xuôi có khả năng miêu tả ngôn ngữ, miêu tả lời nói và sự nói năng của con người. Đó chính là chất văn xuôi của ngôn ngữ tự sự. Nếu văn và nhịp là những tiền đề đầu tiên cho sức quyến rũ của thơ thì văn xuôi chỉ tổ chức ngôn ngữ như lời nói thường không bị ràng buộc bởi vần, nhịp điệu. Do vậy, “*cấu trúc cú pháp câu thơ thường khó phân tích theo nguyên tắc logic của ngữ pháp thông thường như trong văn xuôi*” [2, tr. 129]. Còn ở văn xuôi thì “*cấu trúc cú pháp ở đây thường bao giờ cũng mang tính phổ cập cùng với sự phản ánh các trật tự không gian, thời gian của sự vật, sự kiện, trạng thái hoạt động của môi trường như chúng vốn có*” [2, tr. 129]. Sự khác biệt quan trọng giữa ngôn ngữ tác phẩm kịch với ngôn ngữ tác phẩm tự sự lại ở chỗ, trong tác phẩm tự sự, ngôn ngữ người kể chuyện giữ vai trò quyết định đối với toàn bộ cấu trúc ngôn ngữ của tác phẩm.

Ngôn ngữ văn xuôi có chức năng tái hiện hiện thực khách quan tồn tại xung quanh con người. Nhưng hiện thực ấy đã được khúc xạ qua lăng kính chủ quan của nhà văn. Hiện thực ấy bao giờ cũng là hiện thực của con người, xung quanh con người, bởi con người là trung tâm của tác phẩm. Nhân vật được khắc hoạ sinh động, bộc lộ tính

cách của mình, đời sống phức tạp của tâm hồn, thông qua lời nói, hành động, suy nghĩ... Chỉ bằng một vài câu văn, tác giả cũng có thể lột tả đầy đủ bức chân dung về nhân vật, một văn sỹ Hoàng quen sống hưởng thụ sung sướng, quen lối nhìn đời, nhìn người giản đơn qua cử chỉ “trợn mắt”, “nhếch một khoé môi lên” của anh ta khi “kể tội” người nhà quê, qua lời nói giễu cợt: “Ngày mai thế nào chuyện anh đến chơi tôi cũng đã chạy khắp làng”, qua tiếng cười khoái trí: “Tài thật! Tài thật! Tài đến thế là cùng! Tiên sư anh Tào Tháo” (“Đôi mắt” - Nam Cao). Ngôn ngữ văn xuôi dựng lên những sự kiện quan trọng, bằng một loạt những từ ngữ miêu tả hành động cụ thể chi tiết, qua đó diễn biến câu chuyện trở lên chân thực hơn. Chẳng hạn, sự kiện Chí Phèo đâm chết Bá Kiến, Nam Cao tái hiện: “Hắn rút dao ra, xông vào. Bá Kiến ngồi nhòm dậy, Chí Phèo đã văng dao tới rồi. Bá Kiến chỉ kịp kêu lên một tiếng. Chí Phèo vừa chém túi bụi, vừa kêu làng thật to. Hắn kêu làng, không bao giờ người ta vội đến” (“Chí Phèo”, Nam Cao).

Ngôn ngữ văn xuôi còn cho ta thấy được thái độ, cách đánh giá, quan niệm của tác giả về nhân vật, sự việc, cuộc đời. Qua tác phẩm, người đọc có thể hình dung về tác giả, tuy nhiều khi họ không xuất hiện. Dù giọng kể của Nam Cao có lạnh lùng thì ẩn giấu sau đó vẫn là nỗi niềm thương xót, cảm thông cho con người (“Lão Hạc”, “Đời thừa”, “Mua nhà”...) Dù Nguyễn Tuân có giữ một thái độ khách quan khinh bạc, chơi ngông vẫn là tấm lòng ngợi ca cái đẹp, “biệt nhỡn liên tài” thể hiện qua “Chữ người tử tù”, “Bữa rượu máu”... Chúng ta có thể cảm nhận được vốn sống, kinh nghiệm, thế giới quan và cá tính sáng tạo riêng của mỗi nhà văn qua câu chữ.

2.3. *Nhân quan ngôn ngữ của tác giả và thời đại*

Hiện thực cuộc sống là mảnh đất màu mỡ cho các nhà văn thỏa sức khai phá. Nhưng mỗi nhà văn lại có một cách tiếp cận đời sống khác nhau, tùy thuộc vào nhân quan của mỗi người, và vốn hiểu biết, kinh nghiệm sống, trình độ văn hoá, cảm thụ riêng... Từ quan niệm về hiện thực khác nhau. Nhân quan ngôn ngữ chịu sự chi phối của quan niệm về hiện thực con người, ảnh hưởng của thời đại, cá tính, thể loại.... Nhân quan ngôn ngữ còn là quan niệm về ngôn ngữ của tác giả. Chẳng hạn, Nguyễn Tuân quan niệm: “Muốn làm gì thì làm, nếu không có chữ thì cũng không có

văn được... Văn là nghệ thuật của chữ”. Gắn ngôn từ nghệ thuật với quan niệm của tác giả, chúng ta mới thấu hiểu ý nghĩa riêng của ngôn từ đó, lựa chọn một nguyên tắc tổ chức ngôn từ nào đó với “cái lý” của mình. Điều này làm nên phong cách riêng của mỗi nhà văn. Ở Nguyễn Tuân thì tư tưởng nghệ thuật cũng như quy luật nội tại của thế giới hình tượng đều gắn liền với một chữ “ngông” - phải làm những chuyện ngược đời, để tỏ thái độ khinh bạc với thiên hạ... Nhưng ngược đời mà không có tài hoa và nhân cách hơn đời thì chỉ là lối bịch. Điều đó giải thích ngòi bút độc đáo, gai góc và lối viết đặc biệt tài hoa của Nguyễn Tuân, thể hiện từ cách chọn đề tài, cách dựng cảnh, dựng người đến giọng văn, lối đặt câu dùng từ. Cái nhìn tinh tế và những trang viết mượt mà, đầy chất thơ của Nguyễn Tuân trong “Người lái đò Sông Đà”: “Con sông Đà tuôn dài như một ánh tóc trữ tình, đầu tóc chân tóc ẩn hiện trong mây trời Tây Bắc bung nở hoa Ban hoa gạo tháng hai...”.

Như vậy, muốn tìm ra cốt lõi quan niệm bên trong của nhà văn, khái quát thành những đặc điểm chung qua ngôn từ ở nhiều sáng tác, phải nhận ra được những yếu tố lặp đi lặp lại nhiều lần, như một hệ thống và nắm được cách thức tổ chức hệ thống ngôn từ đó. Bằng cách ấy ta sẽ tiếp cận được quan niệm nghệ thuật của nhà văn và từ đó lại tìm ra vẻ đẹp của những câu chữ mới. Bên cạnh cách nhìn riêng của mình, mỗi nhà văn lại chịu sự chi phối của nhân quan thời đại. Cảm hứng lãng mạn và cái nhìn sử thi của văn học cách mạng giai đoạn 1945 - 1975 đã chi phối cách tiếp cận hiện thực đất nước và con người của hầu hết của các nhà văn, nhà thơ. Cái nhìn ở tư thế con người phơi phới đi lên, tin tưởng ở ngày mai sáng tươi khiến cho văn học cách mạng chứa niềm vui: “Đã nghe nước chảy lên non. Đã nghe đất chuyển thành con sông dài. Đã nghe gió ngày mai thổi lại. Đã nghe hồn thời đại bay cao” (Tố Hữu). Trong văn xuôi, nhân quan thời đại ấy chi phối cách xây dựng những nhân vật anh hùng cao đẹp, cách lựa chọn những từ ngữ trang trọng, ngợi ca, đặt mỗi cá nhân trong mối quan hệ với cộng đồng, vận mệnh dân tộc: “Thế là bắt đầu rồi. Đốt lửa lên! Tất cả người già, người trẻ, người đàn ông, người đàn bà, mỗi người phải tìm lấy một cây giáo, một cây mác, một cây dùi, một cây rựa. Ai không có thì vót chông, năm trăm cây chông. Đốt lửa lên! Tiếng

chuông nổi lên...Đứng trên đồi xà nu gần con nước lớn, suốt đêm nghe cả rừng Xô man ào ào rung động. Và lửa cháy khắp rừng...”. (“Rừng xà nu” - Nguyễn Trung Thành) ...

Văn học từ 1975 trở lại đây gắn với nhân quan hiện thực đời thường, trở thành xu hướng chính của cả một giai đoạn. Do đó, nổi bật lên là cái nhìn con người thế sự - đời tư đa chiều, phức tạp, ngôn ngữ cũng vì thế mà gia tăng chất khẩu ngữ nhiều hơn: *“Có những kẻ yêu tôi thật thì tôi không nghĩ được họ. Còn một vài người tôi yêu họ thì họ chỉ “xuê xoa” chơi với tôi thôi. Biết làm sao được. Con cá trượt thường là con cá to”* (“Hậu thiên đường”- Nguyễn Thị Thu Huệ), *“Đám cưới ngoại ô lố lằng và khá dung tục. Ba ô tô. Thuốc lá đầu lọc nhưng gần cuối tiệc hết sạch, phải thay*

bằng thuốc lá cuốn. Năm mươi mâm cỗ nhưng ế mười hai. Chàng rể mặc comple đen, cravat đỏ. Tôi phải cho mượn cái cravat đẹp nhất trong tủ áo. Nói là mượn, chắc gì đòi được. Phù rể là sáu thanh niên ăn mặc hết nhau, đều quần bò, râu ria rất hời” (“Tướng về hưu”- Nguyễn Huy Thiệp).

III.KẾT LUẬN

Qua việc phân tích làm rõ khái niệm ngôn từ nghệ thuật, ngôn ngữ văn xuôi nghệ thuật và nhân quan ngôn ngữ của tác giả và thời đại, có thể thấy, dưới ảnh hưởng sâu sắc từ nhân quan ngôn ngữ của tác giả và thời đại, tác phẩm vừa đem đến cách tiếp cận riêng độc đáo về đời sống vừa mang rõ nét cá tính sáng tạo đồng thời qua đó cũng cho thấy quá trình phát triển của ngôn ngữ văn xuôi trong lịch sử văn học Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Iu M. Lotman (2004), *Cấu trúc văn bản nghệ thuật*, NXB Đại Học Quốc Gia Hà Nội.
2. Nguyễn Lai (1998), *Ngôn ngữ với sáng tạo và tiếp nhận văn học*, NXB Giáo dục, Hà Nội
3. Nhiều tác giả (1997), *Từ điển thuật ngữ văn học*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.